

LD VIETSOVPETRO
TRƯỞNG BAN DBTT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 10/07/2021

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		P10+ P6 +P4	7:25	1+4+17	0+0+0		0+5+17	0+0+0	
2		P5+P7	7:25	9+13	0+0		9+13	0+0	
3		P3+P9+BK4	7:25	10+2+10	0+0+0		10+0+10	0+0+0	
4		TD2	7:25	13	0		13	0	
5		TGTH1+TGTH5+AMD	8:00	5+2+12	0+0+0		4+2+13	0+0+0	
6		P8+P5	9:25	16+6	0+0		11+10	0+0	
7		HSD+AMD+P10	9:25	3+12+7	0+0+0		3+5+8	0+0+0	
8		RCDM+P4	9:25	5+17	0+0		0+20	0+0	
9		TD2	11:25	13	0		10	0	

TTBDSX

FLIGHT MANIFEST

DATE: 10/07/2021	FROM: VT	AIRCRAFT: 846	ETD: 07:31
FLIGHT: 1	TO: P10 - P6 - P4	CREW: Nam - XTrường - NNam	ETA: 09:10
cam-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ARUSHANOV S.V	P10	73	1	6		106	KHOAN	Russian
2	TRẦN QUỐC TUÂN	P10					67	KHOAN	Vietnamese
3	NGUYỄN HUY HÙNG	P10	99,100	2	14		63	KHOAN	Vietnamese
4	BUI NGOC LAM	P10	92	1	7		67	KHOAN	Vietnamese
5	VU VAN DOANH	P10					70	KHOAN	Vietnamese
6	ĐỖ VĂN PHAN	P10	69	1	3		75	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYỄN QUANG HAO	P10	70-71	2	9		88	KHOAN	Vietnamese
8	NGUYỄN VĂN ĐAM	P10	91	1	5		85	KHOAN	Vietnamese
9	TRẦN LÊ KIẾN	P10	98	1	5		73	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYỄN VĂN CHÂN	P10	94	1	5		57	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYỄN QUỐC TUÂN	P10	95	1	5		72	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYỄN VĂN XUÂN	P10	93	1	3		62	KHOAN	Vietnamese
13	TRẦN MINH HIẾU	P10	90	1	3		70	KHOAN	Vietnamese
14	PHẠM QUANG NGŨ	P10	97	1	5		88	KHOAN	Vietnamese
15	NGUYỄN TÂN PHƯỚC	P10	96	1	5		63	KHOAN	Vietnamese
16	TRẦN ĐỨC DỤC	P10	72	1	5		58	KHOAN	Vietnamese
17	NGUYỄN MINH HAI-PVD	P10	68	1	7		77	KHOAN	Vietnamese
18	PHẠM THE CONG	P10	89	1	5	20	60	PSV	Vietnamese
19	ĐẶNG XUÂN THẮNG	P6	06	1	10	13	70	XAYLAP	Vietnamese
20	ĐỖ HỮU NAM	P4	67	1	10		69	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYỄN VĂN VINH	P4	66	1	8		88	KH-THAC	Vietnamese
22	ĐẠO MINH TUÂN	P4	65	1	6		70	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P10	18	18	92	1,301	20	17		
2	P6	1	1	10	70	13	0		
3	P4	3	3	24	227	0	5		
TOTAL		22	22	126	1,598	33	22		
WEIGHT KG				126	1,598	33			

GRAND TOAL: 1.757 KGS

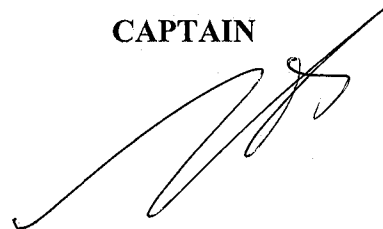
VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 10/07/2021	TO: P5 - P7	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:35
FLIGHT: 2	FROM: VT	CREW: TTrung - HUNG - Toan	ETA: 09:15
VANG - 1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN HOANG VIET	P5	34	1	8		80	KH-THAC	Vietnamese
2	ĐẠO ĐÌNH HUY	P5	29	1	11		76	KH-THAC	Vietnamese
3	TÔNG XUÂN SINH	P5	27	1	7		65	KH-THAC	Vietnamese
4	TRẦN ĐÌNH TỬ	P5	30-31	2	17		78	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYEN TUAN MINH	P5	32	1	5		85	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYEN VAN NGOC	P5	28	1	8	60	70	KH-THAC	Vietnamese
7	LUÔNG VĂN THANH	P5	25	1	4		63	KH-THAC	Vietnamese
8	ĐOÀN ĐÌNH PHÁC	P5	26	1	4		69	KH-THAC	Vietnamese
9	TRẦN CAO MẠNH	P5	33	1	4		68	KH-THAC	Vietnamese
10	HOANG MẠNH CUONG	P7	82-83	2	12		63	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYEN ĐÌNH TRỌNG	P7					72	KH-THAC	Vietnamese
12	MAI VĂN SƠN	P7	76-77	2	12		60	KH-THAC	Vietnamese
13	MAI CÔNG LAN	P7	70	1	3		64	KH-THAC	Vietnamese
14	PHAN TIEN HIỆP	P7	78	1	11		69	KH-THAC	Vietnamese
15	TRỊNH VĂN PHƯỢNG	P7				35	77	KH-THAC	Vietnamese
16	BUI TRONG NGHĨA	P7	80	1	8		65	KH-THAC	Vietnamese
17	LÂM ĐĂNG GIANG	P7	75	1	4		75	KH-THAC	Vietnamese
18	PHẠM NGỌC SƠN	P7	81	1	3		74	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYEN ANH ĐỨC	P7	79	1	5		71	XAYLAP	Vietnamese
20	VLADIMIR BORTSOV	P7	73-74	2	14		74	NIPI	Russian
21	ĐINH SONG HAI	P7	71-72	2	14		60	YTE	Vietnamese
22	ĐẠO TUÂN CHỦ	P7	69	1	3		68	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P5	9	10	68	654	60	9		
2	P7	13	15	89	892	35	13		
TOTAL		22	25	157	1.546	95	22		
WEIGHT KG				157	1.546	95			

GRAND TOAL: 1.798 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 10/07/2021	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 07:40
FLIGHT: 3	TO: P3 - P9 - BK4	CREW: Phong - ĐNam - DTùng	ETA: 09:20
TRANG-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	HOANG SY NGOC	P3	69	1	7		67	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYEN NGOC XUAN	P3	73-74	2	9		59	KH-THAC	Vietnamese
3	VAN MINH TAN	P3	76	1	6		64	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYEN THANH PHONG	P3	80	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
5	LAM TUAN KHAI	P3	77	1	8	50	62	KH-THAC	Vietnamese
6	LE KHAI DAT	P3	78-79	2	15		94	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYEN VAN TRUONG	P3	75	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
8	CHAU DINH TU	P3	72	1	9		74	KH-THAC	Vietnamese
9	TRAN CONG THANH	P3	70-71	2	9		52	KH-THAC	Vietnamese
10	ĐANG THANG LONG	P3	67-68	2	15		73	XAYLAP	Vietnamese
11	LE TAM THUY	P9	70	1	7		73	KH-THAC	Vietnamese
12	KIM NHAT THANH	P9	71-72	2	15	55	69	CODIEN	Vietnamese
13	TRAN PHUC NGUYEN	BK4	88	1	10		82	XAYLAP	Vietnamese
14	TRAN HUY ANH	BK4	92	1	12		90	XAYLAP	Vietnamese
15	BUI ANH TUAN	BK4	94-95	2	12		69	XAYLAP	Vietnamese
16	NGUYEN VAN BO	BK4	90	1	8	30	67	XAYLAP	Vietnamese
17	TRUONG MINH THANG	BK4	96	1	10		68	XAYLAP	Vietnamese
18	LE HONG LONG	BK4	89	1	10		79	XAYLAP	Vietnamese
19	DINH DUC THIEN	BK4	97-98	2	15		59	XAYLAP	Vietnamese
20	TRAN DUC TINH	BK4	93	1	15		73	XAYLAP	Vietnamese
21	NGUYEN CONG THANH	BK4	91	1	15		79	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P3	10	14	88	687	50	10		
2	P9	2	3	22	142	55	0		
3	BK4	9	11	107	666	30	10		
TOTAL		21	28	217	1.495	135	20		
WEIGHT KG				217	1.495	135			

GRAND TOAL: 1.847 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 10/07/2021	TO: TD2	AIRCRAFT: 618	ETD: 07:30
FLIGHT: 4	FROM: VT	CREW: HLONG - KIÊN	ETA: 10:40
XANH-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VANEEV D.V	TD2	10	1	6	80	101	KHOAN	Russian
2	DOROSHENKO M.K	TD2	08	1	6	12	95	KHOAN	Russian
3	TRẦN TRỌNG ANH	TD2	19-20	2	15		70	KHOAN	Vietnamese
4	GONCHAROV S.A	TD2	09	1	8		100	KHOAN	Russian
5	TRƯỜNG THANH TÙNG	TD2	21	1	5		74	KHOAN	Vietnamese
6	NGUYỄN ANH TUÂN	TD2					68	KHOAN	Vietnamese
7	BUI TRUNG THỌ	TD2					71	KHOAN	Vietnamese
8	NGUYỄN THANH BÌNH	TD2	13	1	2		84	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYỄN THANH TÙNG	TD2	11	1	5		60	KHOAN	Vietnamese
10	PHẠM VĂN THẮNG	TD2	12	1	9		83	KHOAN	Vietnamese
11	PHẠM SĨ NGỌC MINH	TD2	16	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
12	MAI ĐỨC THÂN	TD2	14	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
13	VÕ SĨ HOÀI THANH	TD2	15	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
14	LE QUANG CUONG	TD2	17	1	15		79	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

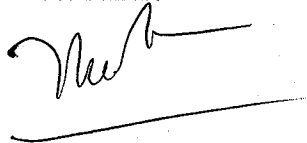
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD2	14	13	86	1.090	92	13		
	TOTAL	14	13	86	1.090	92	13		
	WEIGHT KG			86	1.090	92			

GRAND TOAL: 1.268 KGS

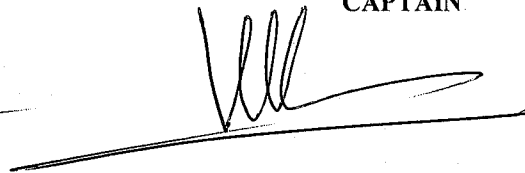
VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 10/07/2021	TO: TGTH1 - TGTH5 - AMD	AIRCRAFT: 616	ETD: 08:40
FLIGHT: 5	FROM: VT	CREW: NKhánh - Thanh	ETA: 10:40
VANG-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LÊ QUANG VIỆT	TGTH1	46	1	10		71	KH-THAC	Vietnamese
2	PHẠM VIỆT ĐỨC	TGTH1	44	1	7		81	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN VĂN TÍNH	TGTH1	40-41	2	15	13	76	CODIEN	Vietnamese
4	LÊ NGỌC ANH	TGTH1	42-43	2	10		75	CODIEN	Vietnamese
5	PHAN VĂN HOÀ	TGTH1	45	1	3		70	PSV	Vietnamese
6	NGUYỄN TRUNG HIỆU	TGTH5	32-33	2	15		70	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN VĂN ĐỊNH	TGTH5	34	1	8		69	KH-THAC	Vietnamese
8	LÊ QUỐC THUẬN	AMD	41	1	4		70	PSV	Vietnamese
9	DUONG NHAT QUANG	AMD	45	1	10		63	BAB - VSP	Vietnamese
10	NGUYỄN XUÂN THUY	AMD	56-57	2	18		77	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN ĐÌNH KHANH	AMD	52-53	2	15		62	KH-THAC	Vietnamese
12	PHẠM ANH NGŨ	AMD	46	1	6		72	KH-THAC	Vietnamese
13	TRẦN QUANG THANH	AMD	42	1	6		65	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN CÔNG THANH	AMD	51	1	11	12	67	KH-THAC	Vietnamese
15	CHU HỮU CHÍNH	AMD	44	1	8		55	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN MINH HOÀNG	AMD	49-50	2	18		90	KH-THAC	Vietnamese
17	NGÔ BA THANH	AMD	43	1	7		65	KH-THAC	Vietnamese
18	PHẠM THANH HUNG	AMD	54	1	10	12	62	KH-THAC	Vietnamese
19	LÊ VIỆT THĂNG	AMD	47-48	2	10		71	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

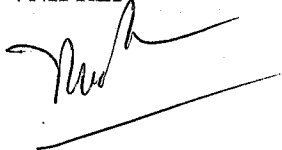
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TGTH1	5	7	45	373	13	4		
2	TGTH5	2	3	23	139	0	2		
3	AMD	12	16	123	819	24	13		
TOTAL		19	26	191	1.331	37	19		
WEIGHT KG				191	1.331	37			

GRAND TOAL: 1.559 KGS

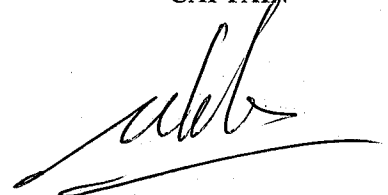
VSP REP.



VNH REP



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 10/07/2021	TO: P8 - P5	AIRCRAFT: 846	ETD: 09:30
FLIGHT: 6	FROM: VT	CREW: Nam - XTrường - N Nam	ETA: 11:10
DO - 2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	HOANG VINH PHU	P8	65-66	2	10	10	72	ANTOAN	Vietnamese
2	NGUYEN TRUNG THANH	P8	68-69	2	14		69	ANTOAN	Vietnamese
3	NGUYEN CHIEN THANG	P8	70	1	5		66	ANTOAN	Vietnamese
4	VU VAN DUC	P8	71-72	2	9		67	ANTOAN	Vietnamese
5	NGUYEN VAN THUY	P8	50	1	14	16	71	XAYLAP	Vietnamese
6	THAN VAN KIEN	P8	60	1	14		65	XAYLAP	Vietnamese
7	LUONG XUAN QUANG	P8	51	1	15		60	XAYLAP	Vietnamese
8	NGUYEN QUOC HUY	P8	54-55	2	20		65	XAYLAP	Vietnamese
9	NGUYEN VAN TAN	P8	61	1	19		55	XAYLAP	Vietnamese
10	NGUYEN TUAN LINH	P8	63	1	14		68	XAYLAP	Vietnamese
11	NGUYEN VAN PHUC	P8	56	1	15	10	60	XAYLAP	Vietnamese
12	NGUYEN VIET DEC	P8	58-59	2	20		69	XAYLAP	Vietnamese
13	QUAN VAN KHANH	P8	62	1	16		68	XAYLAP	Vietnamese
14	LE XUAN HUNG	P8	64	1	13		69	XAYLAP	Vietnamese
15	LE VAN NHAN	P8	52-53	2	20		73	XAYLAP	Vietnamese
16	DINH VAN TOAN	P5	40	1	10		58	KH-THAC	Vietnamese
17	BUI THE DIEN	P5	44	1	13		69	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYEN DOAN BINH	P5	42	1	10		66	YTE	Vietnamese
19	NGUYEN VAN TRUONG	P5	45	1	5		66	PSV	Vietnamese
20	DO KHAC DA	P5	41	1	5		65	PSV	Vietnamese
21	DO DANG THANH	P5	43	1	7		67	PSV	Vietnamese
22	TRAN VAN DOAN	P5	46	1	10		65	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P8	15	21	218	997	36	11		
2	P5	7	7	60	456	0	10		
	TOTAL	22	28	278	1.453	36	21		
	WEIGHT KG			278	1.453	36			

GRAND TOAL: 1.767 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 10/07/2021	TO: HSD - AMD - P10	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:35
FLIGHT: 7	FROM: VT	CREW: TTrung - HUNG - Toan	ETA: 11:15
Trang - 2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN MANH HUNG	HSD	37-38	2	15		81	KH-THAC	Vietnamese
2	HA VAN THUY	HSD	39-40	2	15		72	KH-THAC	Vietnamese
3	DO VIET PHUONG	HSD	36	1	8		70	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYEN VAN VINH	AMD	66	1	3		57	KH-THAC	Vietnamese
5	DANG MINH DUC	AMD	65	1	10		76	KH-THAC	Vietnamese
6	TRAN NGOC PHUC	AMD	67-68	2	12		73	KH-THAC	Vietnamese
7	LUC TU TAI	AMD	86	1	9		63	HLJOC	Vietnamese
8	TRAN VINH QUANG	AMD	85	1	8		77	HLJOC	Vietnamese
9	TRAN QUANG HUY	AMD	69-71	3	15		77	TLJOC	Vietnamese
10	DO TRONG NGHIA	AMD	83-84	2	9		62	TLJOC	Vietnamese
11	NGUYEN PHU NGOC	AMD	72,82	2	7		60	TLJOC	Vietnamese
12	NGUYEN TRUONG THO	AMD	62-63	2	13		65	TLJOC	Vietnamese
13	LE PHUC THINH	AMD	64	1	5		83	PSV	Vietnamese
14	NGUYEN TIEN THUAT	AMD	61	1	3		76	PSV	Vietnamese
15	NGUYEN THANH TUAN	AMD	60	1	6	80	71	PSV	Vietnamese
16	PHAN THIEN SON	AMD	51	1	6	14	63	KH-THAC	Vietnamese
17	VU VAN HOA	P10	79	1	3		62	KHOAN	Vietnamese
18	NGUYEN TRONG DUNG	P10	77	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
19	NGUYEN DINH CUONG-PVDT	P10	80	1	5		63	KHOAN	Vietnamese
20	NGUYEN VAN NGAN	P10	78	1	3		66	KHOAN	Vietnamese
21	PHAM XUAN HUY	P10	76	1	3		61	KHOAN	Vietnamese
22	TRAN TRONG TIEN	P10	75	1	12		80	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	HSD	3	5	38	223	0	3		
2	AMD	13	19	106	903	94	5		
3	P10	6	6	31	407	0	8		
TOTAL		22	30	175	1.533	94	16		
WEIGHT KG				175	1.533	94			

GRAND TOAL: 1.802 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 10/07/2021	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 09:40
FLIGHT: 8	TO: RCDM - P4	CREW: Phong - ĐNam - DTùng	ETA: 11:20
CAM-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN VĂN HUY	RCDM	86	1	15		75	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN HOÀNG AN	RCDM	89	1	10		75	KH-THAC	Vietnamese
3	LÊ VĂN NGHI	RCDM	88	1	15		66	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN QUỐC HÙNG	RCDM	87	1	7		68	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN CHÍ CUÔNG	RCDM	85	1	7		62	KH-THAC	Vietnamese
6	LÊ VĂN CHIẾN	P4	54	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
7	ĐẶNG HỒNG VIỆT	P4	53	1	7		54	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN VĂN THƯƠNG	P4	58	1	5		74	KH-THAC	Vietnamese
9	LÂM VĂN PHÚC	P4	52	1	5		64	KH-THAC	Vietnamese
10	TRẦN NGUYỄN BAO MINH	P4	57	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
11	HOÀNG KHẮC DƯ	P4	56	1	4		68	KH-THAC	Vietnamese
12	LÂM XUÂN HAI	P4	62	1	3		66	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN TRƯỜNG THÀNH	P4	61	1	7		62	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN THANH HAI	P4	55	1	10		73	KH-THAC	Vietnamese
15	BUI THANH CAM	P4	48-49	2	10		70	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN THANH NAM	P4	50	1	3		77	KH-THAC	Vietnamese
17	TRẦN NGỌC MINH	P4	63	1	3		69	KH-THAC	Vietnamese
18	TRẦN CÔNG TÍNH	P4	64	1	5		63	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN HỮU THANH	P4					68	KH-THAC	Vietnamese
20	PHẠM NGỌC HÙNG	P4	60	1	4		67	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYỄN HÙNG BAY	P4	59	1	9		71	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYỄN THANH TÂM	P4	51	1	10		68	YTE	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RCDM	5	5	54	346	0	0		
2	P4	17	17	95	1.164	0	20		
TOTAL		22	22	149	1.510	0	20		
WEIGHT KG				149	1.510	0			

GRAND TOAL: 1.659 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 10/07/2021	TO: TD2	AIRCRAFT: 618	ETD: 11:30
FLIGHT: 9	FROM: VT	CREW: Phương - MTuấn	ETA: 14:40
XANH-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	BUI NGOC DUNG	TD2	57	1	3		77	KHOAN	Vietnamese
2	NGUYEN THANH ANH	TD2	64	1	4		70	KHOAN	Vietnamese
3	LE ANH QUAN	TD2	60	1	4		70	KHOAN	Vietnamese
4	PHAN MANH CUONG	TD2	58	1	3		70	KHOAN	Vietnamese
5	NGO VAN HUY	TD2	59	1	3		76	KHOAN	Vietnamese
6	PHAM THANH GIANG	TD2	63	1	4		73	KHOAN	Vietnamese
7	VU XUAN TRUONG	TD2	61	1	3		65	KHOAN	Vietnamese
8	NGUYEN VAN HAI	TD2	62	1	5		62	KHOAN	Vietnamese
9	CAO TRONG TIEN	TD2	56	1	7		64	MI-SWASCO	Vietnamese
10	VU ANH TRONG	TD2	54-55	2	12		67	DVL	Vietnamese
11	ALEXSANDER KRAVTSOV	TD2	52-53	2	15		75	DVL	Russian
12	TRAN DAI HUNG	TD2	65	1	11	15	67	DVL	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD2	12	14	74	836	15	10		
TOTAL		12	14	74	836	15	10		
WEIGHT KG				74	836	15			

GRAND TOAL: 925 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 11/07/2021

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		TD5+TD3+CLO	7:25	8+12+2	0+0+0		3+8+0	0+0+0	Chuyen 1 TD5-TD3, Chuyen 4 TD5-CLO
2		TD3	7:25	22	0		22	0	
3		CTK3+TD5	7:25	4+18	0+0		2+20	0+0	
4		TD2	7:25	18	0		20	0	
5		PPD	9:25	22	0		22	0	
6		P4+CTK3	9:25	1+10+11	0+0+0		0+8+14	0+0+0	
7		P4+RP3	9:25	9+13	0+0		8+14	0+0	
8		PPD+BK16+MRM	11:25	5+5+12	0+0+0		0+7+4	0+0+0	
9		GTCL+CTK3	11:25	6+16	0+0		5+13	0+0	

TTDBSX



FLIGHT MANIFEST



DATE: 11/07/2021	FROM: VT	AIRCRAFT: 846	ETD: 07:30
FLIGHT: 01	TO: TD5 - TD3 - CLO	CREW: Hôi - Linh - Vũ	ETA: 09:10
CAM-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	DAVYDOV D.S	TD5	67	1	5		67	KHOAN	Russian
2	CHUSH M.V	TD5	66	1	4	20	102	KHOAN	Russian
3	KIRICHENKO K.P	TD5	65	1	12		80	KHOAN	Russian
4	NGUYEN TAN TAI	TD5	60	1	7		70	KHOAN	Vietnamese
5	BAO NGUYEN LỘC	TD5	62	1	8		64	KHOAN	Vietnamese
6	NGUYEN BA HOA	TD5	61	1	6		66	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYEN VAN HOA	TD5	63	1	10		78	KHOAN	Vietnamese
8	NGUYEN THANH BINH	TD5	64	1	5		63	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYEN HAI	TD3	47	1	8		78	KHOAN	Vietnamese
10	EREMEEV E.N	TD3	53	1	15		90	KHOAN	Russian
11	NGUYEN TRUNG HOA	TD3	48-49	2	10	60	70	KHOAN	Vietnamese
12	LE VAN KHOA	TD3	46	1	6		74	KHOAN	Vietnamese
13	ĐỖ DUY CHINH	TD3					72	KHOAN	Vietnamese
14	VŨ HUNG ANH	TD3					80	KHOAN	Vietnamese
15	BUI CONG SON	TD3	45	1	6		65	KHOAN	Vietnamese
16	NGUYEN VAN HUY THAI	TD3	44	1	6		70	KHOAN	Vietnamese
17	NGUYEN TU ĐỘ	TD3	43	1	6		65	KHOAN	Vietnamese
18	TRẦN TUẤN ANH	TD3	50-51	2	10		85	KHOAN	Vietnamese
19	NGUYEN VAN HUNG	TD3	52	1	5		78	KHOAN	Vietnamese
20	HÀ VĂN PHÚC	TD3					78	KHOAN	Vietnamese
21	SADOVNICHENKO D.A	CLO	45	1	12		108	KHOAN	Russian
22	NGUYEN VAN MẠNH	CLO	43-44	2	15	35	61	DVL	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD5	8	8	57	590	20	3	5	chuyen 01 pax tu TD5 sang TD3 chuyen 04 pax tu TD5 sang CLO
2	TD3	12	11	72	905	60	8		
3	CLO	2	3	27	169	35	0		
TOTAL		22	22	156	1.664	115	11		
WEIGHT KG				156	1.664	115			

GRAND TOAL: 1.935 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 11/07/2021	TO: TD3	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:35
FLIGHT: 02	FROM: VT	CREW: Hạnh - Dương - Huy	ETA: 09:15
VANG-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	OLEYNIK I.A	TD3	82-83	2	10		72	KHOAN	Russian
2	TRẦN HỮU THỌ	TD3	95	1	5		77	KHOAN	Vietnamese
3	HOANG PHAM NGOC VU	TD3	93	1	5		95	KHOAN	Vietnamese
4	PHẠM HUNG DUONG	TD3	94	1	5		98	KHOAN	Vietnamese
5	HUYNH AI HUU	TD3	76	1	3		76	KHOAN	Vietnamese
6	TRẦN MẠNH HUNG	TD3	97	1	5		71	KHOAN	Vietnamese
7	LÊ ANH THOẠI	TD3	84	1	5		88	KHOAN	Vietnamese
8	PHẠM DƯƠNG HAI	TD3	74	1	6		66	KHOAN	Vietnamese
9	VŨ TIẾN DŨNG	TD3					67	KHOAN	Vietnamese
10	VŨ LONG PHI	TD3	75	1	6	40	73	KHOAN	Vietnamese
11	DƯƠNG HOANG LONG	TD3	73	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
12	TRẦN VĂN HUƠNG	TD3	86	1	5		77	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYỄN VĂN QUY	TD3	88-89	2	6		61	KHOAN	Vietnamese
14	LƯƠNG NGỌC HOANG	TD3	87	1	5		73	DVL	Vietnamese
15	ĐO THANH HAI	TD3	85	1	7		68	DVL	Vietnamese
16	NGUYỄN VĂN HIỆU	TD3	78	1	19		90	DVL	Vietnamese
17	PHAN ĐĂNG TUÂN	TD3	90	1	5		60	DVL	Vietnamese
18	NGUYỄN XUÂN NGỌC	TD3	96	1	7		65	DVL	Vietnamese
19	TRƯƠNG HỮU PHƯỚC	TD3	81	1	9		63	YTE	Vietnamese
20	LÊ THANH CHAU	TD3	79-80	2	17		70	PSV	Vietnamese
21	PHẠM VĂN DUÂN	TD3	72	1	2		72	PSV	Vietnamese
22	VŨ VĂN TUÂN TU	TD3	77	1	5		70	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD3	22	24	142	1.622	40	22		
TOTAL		22	24	142	1.622	40	22		
WEIGHT KG				142	1.622	40			

GRAND TOAL: 1.804 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 11/07/2021	TO: CTK3 - TD5	AIRCRAFT: 416	ETD: 07:40
FLIGHT: 03	FROM: VT	CREW: LHải - TĐông - thông	ETA: 09:20
TRANG-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHAM THANH HAI	CTK3	33	1	6		65	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYEN NGOC HIEU	CTK3				20	70	KH-THAC	Vietnamese
3	TÔ TRỌNG TUÂN	CTK3	31	1	4		82	KH-THAC	Vietnamese
4	CAO VĂN ĐẬU	CTK3	30	1	6		72	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYEN TUÂN ANH	TD5					78	KHOAN	Vietnamese
6	NGUYỄN VINH DUY	TD5	22	1	6		60	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYEN HUU LỘC	TD5	18	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
8	PHẠM TIẾN CHUNG	TD5	28	1	4		75	KHOAN	Vietnamese
9	HỒ HOÀN KIỂM	TD5	19	1	2		73	KHOAN	Vietnamese
10	ĐINH VĂN SỰ	TD5					81	KHOAN	Vietnamese
11	LÊ VĂN HIỆN	TD5	25	1	9		80	KHOAN	Vietnamese
12	TRẦN DUY ĐỨC	TD5	236	1	3		79	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYEN DUY KHANH	TD5					76	KHOAN	Vietnamese
14	VŨ XUÂN ANH-PVD	TD5	23	1	3	111	62	KHOAN	Vietnamese
15	TRẦN VĂN MẠNH-PVD	TD5	16	1	10		75	KHOAN	Vietnamese
16	HOÀNG NHẬT QUANG	TD5	20	1	5		55	KHOAN	Vietnamese
17	LAM VĂN HẠNH	TD5	21	1	5		61	KHOAN	Vietnamese
18	NGUYỄN VĂN TIẾN	TD5	17	1	5		66	DVL	Vietnamese
19	VÔ CHÍ THANH	TD5	27	1	9		80	DVL	Vietnamese
20	TRƯƠNG ĐÌNH VỊNH	TD5	30	1	10		80	DVL	Vietnamese
21	NGUYỄN CHÍ LINH	TD5	24	1	7		75	DVL	Vietnamese
22	NGUYỄN VĂN DỰ	TD5	14	1	6		73	YTE	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CTK3	4	3	16	289	20	2		
2	TD5	18	15	89	1.304	111	20		
TOTAL		22	18	105	1.593	131	22		
WEIGHT KG				105	1.593	131			

GRAND TOAL: 1.829 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 11/07/2021	TO: TD2	AIRCRAFT: 618	ETD: 07:42
FLIGHT: 01	FROM: VT	CREW: HHai - MTiến	ETA: 10:52
XANH-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	HUYNH HIEU NGHIA	TD2	76	1	9		79	PVEP-POC	Vietnamese
2	NGUYEN DUY TUAN	TD2	75	1	8		82	PVEP-ITC	Vietnamese
3	NGUYEN DINH QUOC BAO	TD2	79	1	5		56	KH-THAC	Vietnamese
4	MAKSIMOV	TD2	81	1	13		120	KH-THAC	Russian
5	PHAM QUANG QUY	TD2					60	KH-THAC	Vietnamese
6	VU XUAN THANH	TD2					72	KH-THAC	Vietnamese
7	TRAN XUAN THUY	TD2	78	1	6		68	KH-THAC	Vietnamese
8	LE NGOC TOAN	TD2	69	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYEN THANH BAC	TD2	77	1	4		60	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYEN VAN PHUONG	TD2	70	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
11	DO THANH TUNG	TD2	73-74	2	9		82	KH-THAC	Vietnamese
12	LUONG CONG DAT	TD2	82-83	2	15		68	YTE	Vietnamese
13	DOAN DAC TUY	TD2	80	1	5		56	PSV	Vietnamese
14	HO VAN TINH	TD2	71	1	4		58	PSV	Vietnamese
15	NGUYEN TIEN CHUONG	TD2	72	1	4		65	PSV	Vietnamese
16	NGUYEN XUAN TRUONG	TD2	68	1	3		63	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

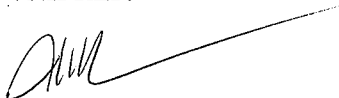
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD2	16	16	95	1.134	0	18		
	TOTAL	16	16	95	1.134	0	18		
	WEIGHT KG			95	1.134	0			

GRAND TOAL: 1.229 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 11/07/2021	TO: PPD	AIRCRAFT: 846	ETD: 09:30
FLIGHT: 05	FROM: VT	CREW: Hồi - Linh - Vũ	ETA: 11:10
XANH-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LÂM QUANG NAM	PPD	67	1	10		81	KHI	Vietnamese
2	NGUYỄN MINH VIÊN	PPD	02-03	2	18		76	KHI	Vietnamese
3	ĐINH THẾ QUÂN	PPD	60	1	15		70	KHI	Vietnamese
4	BUI THANH HAI	PPD	68	1	10		65	KHI	Vietnamese
5	PHẠM ĐỨC TUÂN	PPD	09	1	12		70	KHI	Vietnamese
6	NGUYỄN ĐĂNG HUY	PPD	65	1	5		75	KHI	Vietnamese
7	TRẦN ĐỨC DUY	PPD	10	1	5		70	KHI	Vietnamese
8	VÔ TẠ QUANG	PPD	07	1	10	100	72	KHI	Vietnamese
9	NGUYỄN NGỌC THU	PPD	64	1	10		60	KHI	Vietnamese
10	NGUYỄN VĂN VĨNH	PPD	12	1	8		84	KHI	Vietnamese
11	NGUYỄN ĐỨC NGỌC	PPD	66	1	5		68	KHI	Vietnamese
12	LÊ MINH PHỤNG	PPD	63	1	10		74	KHI	Vietnamese
13	NGUYỄN HỮU HAO	PPD	11	1	10		80	KHI	Vietnamese
14	ĐOÀN DUY HÙNG	PPD	13	1	8		88	KHI	Vietnamese
15	NGUYỄN HUY SƠN	PPD					83	KHI	Vietnamese
16	NGUYỄN VĂN HÀ	PPD	08	1	10		58	KHI	Vietnamese
17	PHẠM HỒNG THAI	PPD	06	1	5		66	KHI	Vietnamese
18	HOANG HUY TIEN	PPD	04	1	5		60	KHI	Vietnamese
19	NGUYỄN XUÂN HUYNH	PPD	61	1	4		54	KHI	Vietnamese
20	NGUYỄN TRỌNG ĐẠI NGHĨA	PPD	05	1	15		78	KHI	Vietnamese
21	HUYNH NAM LONG	PPD	14	1	10		74	KHI	Vietnamese
22	TRẦN SƠN HAI	PPD	01	1	5		74	KHI	Vietnamese

FLIGHT PLAN

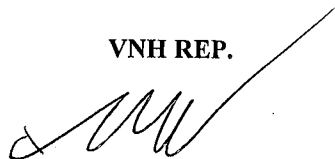
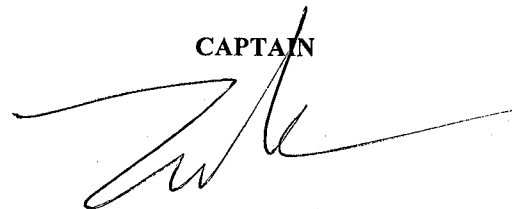
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PPD	22	22	190	1.580	100	21		
	TOTAL	22	22	190	1.580	100	21		
	WEIGHT KG			190	1.580	100			

GRAND TOAL: 1.870 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 11/07/2021	TO: P4 - CTK3	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:35
FLIGHT: 06	FROM: VT	CREW: Hạnh - Dương - Huy	ETA: 11:15
CAM-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	HÀ QUỐC VIỆT	P4	82	1	2		61	KHI	Vietnamese
2	PHẠM VĂN QUYÊN	P4	78-79	2	11		77	KHI	Vietnamese
3	NGUYỄN BẠCH DƯƠNG	P4	68	1	6		74	KHI	Vietnamese
4	BUI HỮU LAN	P4	77	1	8		76	KHI	Vietnamese
5	PHẠM MỘNG THANH	P4	81	1	4		74	KHI	Vietnamese
6	LÊ VĂN HƯƠNG	P4	84	1	5		60	KHI	Vietnamese
7	TRẦN DUY KHUÔNG	P4	80	1	2		80	KHI	Vietnamese
8	NGUYỄN ĐÌNH CỬ	P4	85	1	7		78	KHI	Vietnamese
9	HỒ DIỄN BẢO	P4	75-76	2	16		62	PV GAS ĐN	Vietnamese
10	NGUYỄN VĂN HIỀN	P4	83	1	7		68	ĐĂNG KIỂM	Vietnamese
11	DOÀN QUANG TUẤN	CTK3	36	1	10		63	KH-THAC	Vietnamese
12	TRẦN HỮU DƯƠNG	CTK3	39	1	7		71	KH-THAC	Vietnamese
13	LY BĂNG	CTK3	35	1	10		77	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN VĂN HIỆU	CTK3	34	1	4		67	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN VĂN THĂNG	CTK3	37	1	4	20	70	KH-THAC	Vietnamese
16	PHẠM VĂN NHUẬN	CTK3	40	1	7		65	KH-THAC	Vietnamese
17	TRƯƠNG QUỐC BẢO	CTK3	44	1	2		65	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN MẠNH KHOAT	CTK3					75	KH-THAC	Vietnamese
19	PHẠM HỒNG SƠN	CTK3	43	1	17	10	65	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN TRỌNG TÂN	CTK3	38	1	4		69	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P4	10	12	68	710	0	8		
2	CTK3	10	9	65	687	30	14		
TOTAL		20	21	133	1.397	30	22		
WEIGHT KG				133	1.397	30			

GRAND TOAL: 1.560 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 11/07/2021	FROM: VT	AIRCRAFT: 416	ETD: 09:40
FLIGHT: 07	TO: P4 - RP3	CREW: LHải - TĐông - thông	ETA: 11:20
VANG-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LÊ TIẾN DŨNG	P4	44-45	2	13		83	ĐẢNG KIỆ	Vietnamese
2	PHẠM MINH ĐỨC	P4	46-47	2	12		67	LỤC NAM	Vietnamese
3	TRẦN ANH TUẤN	P4	43	1	8	20	65	LỤC NAM	Vietnamese
4	NGUYỄN ĐỨC ANH	P4	42	1	5		82	LỤC NAM	Vietnamese
5	HOANG THÁI DƯƠNG	P4					74	KHI	Vietnamese
6	NGUYỄN CHIẾN CÔNG	P4	40	1	2		70	KHI	Vietnamese
7	LÊ TRUNG LAM	P4	39	1	2		67	KHI	Vietnamese
8	NGUYỄN TIẾN THÀNH	P4	37	1	4		63	KHI	Vietnamese
9	ĐOÀN VĂN TRỰC	P4	38	1	5		67	KHI	Vietnamese
10	ĐINH HOÀI ĐỨC	RP3	88	1	6		66	KHI	Vietnamese
11	NGÔ THANH LAM	RP3	86	1	2		69	KHI	Vietnamese
12	TU NGỌC HAI	RP3	84-85	2	15		60	KHI	Vietnamese
13	NGUYỄN TRỌNG TUẤN	RP3					91	KHI	Vietnamese
14	LÀNH TRUNG ĐÔNG	RP3	87	1	8		63	KHI	Vietnamese
15	TRẦN VIỆT QUANG	RP3	68	1	5		70	KHI	Vietnamese
16	NGUYỄN VĂN TÂN	RP3					66	KHI	Vietnamese
17	NGUYỄN NGỌC ANH	RP3	75	1	7	70	65	KHI	Vietnamese
18	NGUYỄN TRUNG KIẾN	RP3					69	KHI	Vietnamese
19	ĐUÔNG HỒNG QUẬN	RP3	69-70	2	7		68	KHI	Vietnamese
20	PHAN SỸ DUYỆT	RP3	63	1	5		77	KHI	Vietnamese
21	TRẦN BẢO ANH	RP3	66-67	2	20		70	KHI	Vietnamese
22	NGUYỄN VĂN BẢNG	RP3	64-65	2	18		82	KHI	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P4	9	10	51	638	20	3		
2	RP3	13	14	93	916	70	14		
TOTAL		22	24	144	1.554	90	17		
WEIGHT KG				144	1.554	90			

GRAND TOAL: 1.788 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 11/07/2021	TO: PPD - BK16 - MRM	AIRCRAFT: 846	ETD: 11:30
FLIGHT: 08	FROM: VT	CREW: Hồi - Linh - Vũ	ETA: 13:10
CAM-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	SAVELEV V.V.	PPD	05-06	2	20		112	NIPI	Russian
2	NHAM ĐIỆN BIÊN	PPD	01-02	2	12		65	NIPI	Vietnamese
3	ĐOÀN QUYẾT THẮNG	PPD	03	1	8		71	YTE	Vietnamese
4	NGUYEN QUANG MINH	PPD	04	1	10		82	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYEN ĐÌNH NGŨ	BK16	27	1	6		63	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYEN VAN LIÊU	BK16	28	1	5		78	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYEN DUY TUÂN	BK16	29	1	5	5	75	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYEN MINH ĐIỆN	BK16	30	1	5	3	72	KH-THAC	Vietnamese
9	PHAN XUAN HOA	BK16					70	PSV	Vietnamese
10	ĐO VĂN THAI	MRM	89	1	13	40	69	XNDVL	Vietnamese
11	PHẠM QUANG TRUNG	MRM	05	1	15	5	83	XNDVL	Vietnamese
12	TRẦN QUỐC HƯƠNG	MRM	92	1	17		99	XNDVL	Vietnamese
13	VU VĂN TUYẾN	MRM	90-91	2	18		75	PVD LOGGI	Vietnamese
14	NGUYEN THANH HOA	MRM	97-98	2	18		65	PVD LOGGI	Vietnamese
15	VU VĂN TIẾP	MRM	99-100	2	20		65	PVD LOGGI	Vietnamese
16	NGUYEN TRUNG HIỂU	MRM	95-96	2	18		77	PVD LOGGI	Vietnamese
17	THAI ANH TUÂN	MRM	02	1	12		65	PVD LOGGI	Vietnamese
18	TRẦN VĂN LUẬT	MRM	93-94	2	16		70	PVD LOGGI	Vietnamese
19	HỒ CHI HUNG	MRM	03-04	2	18		63	PVD LOGGI	Vietnamese
20	BUI VĂN CUONG	MRM	87-88	2	16		63	PVD LOGGI	Vietnamese
21	HOANG NGOC LAM	MRM	01	1	10		50	PVD LOGGI	Vietnamese

FLIGHT PLAN

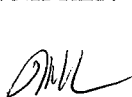
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PPD	4	6	50	330	0	2		
2	BK16	5	4	21	358	8	7		
3	MRM	12	19	191	844	45	4		
TOTAL		21	29	262	1.532	53	13		
WEIGHT KG				262	1.532	53			

GRAND TOAL: 1.847 KGS

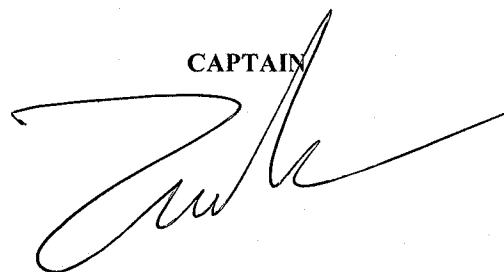
VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 11/07/2021	TO: GTC1 - CTK3	AIRCRAFT: 420	ETD: 11:35
FLIGHT: 09	FROM: VT	CREW: Hạnh - Dương - Huy	ETA: 13:15
TRANG-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN NAM THAI	GTC1	11	1	5		59	KH-THAC	Vietnamese
2	LÊ HOANG LONG	GTC1	14	1	10		77	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN CÔNG CÔNG	GTC1	13	1	9	55	65	KH-THAC	Vietnamese
4	LÊ TRƯỜNG AN	GTC1	15	1	9		79	KH-THAC	Vietnamese
5	ĐẶNG TRẦN KHANH	GTC1	12	1	5		71	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN VĂN QUYẾT	GTC1	16	1	3		66	PSV	Vietnamese
7	PHẠM VĂN ĐIỂM	CTK3	47	1	4		70	KH-THAC	Vietnamese
8	LUYỄN VĂN THIỀU	CTK3	67	1	8		76	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN HỮU SỸ	CTK3	48	1	5		64	KH-THAC	Vietnamese
10	LÊ ĐỨC HIỆP	CTK3					75	KH-THAC	Vietnamese
11	NGÔ ĐÌNH THAM	CTK3	45	1	5		58	KH-THAC	Vietnamese
12	BUI THANH HOẠT	CTK3	66	1	7		70	KH-THAC	Vietnamese
13	TRẦN ĐỨC BÀU	CTK3	53	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
14	ĐẶNG ĐÌNH THẮNG	CTK3	52	1	12		74	KH-THAC	Vietnamese
15	TRẦN TRUNG KIẾN	CTK3					75	KH-THAC	Vietnamese
16	PHẠM VĂN HÀ	CTK3	46	1	5		66	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN TRỌNG MẠN	CTK3	51	1	5		55	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN NGỌC AN	CTK3	50	1	17		74	XAYLAP	Vietnamese
19	TRẦN HỒNG THANH	CTK3	49	1	12		74	XAYLAP	Vietnamese
20	TRẦN VĂN KIM	CTK3	68-69	2	17		59	XAYLAP	Vietnamese
21	HOANG VAN BAC	CTK3					72	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	GTC1	6	6	41	417	55	5		
2	CTK3	15	13	102	1.022	0	14		
TOTAL		21	19	143	1.439	55	19		
WEIGHT KG				143	1.439	55			

GRAND TOAL: 1.637 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN